

Bản án số: 118/2022/HC - PT

Ngày: 10-5-2022

V/v: “*Khiếu kiện các quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Ánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 347/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện các quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1572/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà 284 Đường B, khu vực 3, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tự Công H – Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hiệp H1 – Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thủy T1 – Công chức địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công trình quy hoạch hồ sinh thái đầm Đ, thành phố Q thuộc Công ty cổ phần môi trường Bình Định.

Địa chỉ: Số 40 đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H3 – Phó Giám đốc Công ty cổ phần môi trường Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn T2, sinh năm 1958, có mặt.

4. Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 1989, vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1995, vắng mặt.

6. Cháu Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 2014, vắng mặt.

7. Cháu Nguyễn Đức K, sinh năm 2017, vắng mặt.

8. Cháu Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1997, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà 284 Đường B, khu vực 3, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người giám hộ cho cháu H3 và cháu K: Ông Nguyễn Đức T3 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 là cha mẹ của các cháu, đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Vợ chồng tôi có căn nhà tại 284 Đường B, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vào khoảng năm 1991 tôi có căn nhà đang ở và sử dụng, sau đó tôi có sản xuất đá lạnh với tổng diện tích căn nhà là 160m² đã công nhận là đất có đóng thuế hàng năm, trong đó có 23,49m² là đang sản xuất đá lạnh hồ nước và hầm đá... Ngoài căn nhà trên đang ở và đang sử dụng vợ chồng tôi đã bỏ tiền và công sức tâm huyết để bồi trúc thêm phía sau nhà khoảng 70m² nhà ở và đất bồi trúc lâu nay và không có ai tranh chấp gần 20 năm. Thửa đất nói trên hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 2000 Nhà nước thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái đầm Đ. Diện tích đất của tôi bị thu hồi khoảng 100m² nhưng Tổ công tác giải phóng mặt bằng chỉ kiểm kê, xác lập, bồi thường đối với diện tích nhà 23,49m² còn thiếu hơn 70m² đất do nhà tôi bỏ biết bao công sức tâm huyết để bồi trúc thêm phía sau, nhưng Ban dự án không chấp nhận cho tôi không bồi thường nên tôi không đồng ý và đã không nhận tiền đền bù.

Với diện tích 70m² nói trên là công sức và tiền bạc tôi đã bồi đắp cực khổ gần 20 năm, nhưng Ban quản lý dự án lại động viên tôi đưa phần đất ấy cho bà Hồ Thị Sen tại số nhà 282 Đường B, thành phố Q nên tôi cương quyết không chấp nhận.

Do đó, ngày 20/12/2001 tôi đã làm đơn khiếu nại Ban dự án thành phố Q, ngày 28/12/2019 tôi đã nhận Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ: số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần đầu) với nội dung: *“Không công nhận nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Kim A khiếu nại, yêu cầu giải quyết các chính sách liên quan đến việc thu hồi 70m² đất bồi trúc để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Vì hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ thể hiện thửa đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A thuộc diện giải tỏa 01 phần. Theo biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000 (bản gốc lưu tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ) và phụ lục biên bản phúc tra ngày 09/5/2005 thể hiện: Diện tích đất thu hồi là 23,49m² (không có đất bồi trúc), hiện trạng thu hồi đất có nhà cấp 4 mái lợp tol, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²; nhà tạm 17,82m²; hồ nước 2,89m³; bể nước ngầm 42,48m³ (các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà). Các hầm ngầm trong biên bản kiểm kê là hầm sản xuất nước đá. Tại thời điểm kiểm kê, bút tích của bà A thể hiện trong biên bản gốc không có ý kiến gì về diện tích đất bị thu hồi, chỉ có ý kiến về cấp nhà. Theo xác nhận của UBND phường T tại Văn bản số 74/BC-UBND ngày 09/10/2017 thì nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà A phù hợp với tờ khai của chủ hộ vào năm 2000. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh hộ gia đình bà A có bồi trúc, quản lý, sử dụng diện tích 70m² bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ”*.

Không đồng ý với Quyết định số 9899/QĐ-UBND nói trên nên ngày 26/01/2020 và ngày 05/3/2020 tôi tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định.

Đến ngày 20/3/2020 tôi nhận được Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ

bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ: Số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần hai) với nội dung: “*Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A ở số 284 đường B, phường T, thành phố Q.*”

Công nhận Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A là đúng theo quy định của pháp luật”.

Cho rằng 02 Quyết định số 9899/QĐ-UBND và Quyết định số 847/QĐ-UBND nêu trên là sai trái và đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A nên ngày 26/01/2021 và ngày 05/3/2021 bà A đã làm đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần đầu); hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần hai) và yêu cầu UBND thành phố Q thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà A theo quy định pháp luật.

Cùng với đơn khởi kiện vụ án hành chính và đơn khởi kiện bổ sung, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà A còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà A không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và cũng không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, ông Nguyễn Tự Công H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở hồ sinh thái đầm Đ, thành phố Q, hộ ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Kim A ở nhà số 284 Đường B, khu phố 3, phường T, thành phố Q bị giải tỏa một phần. Theo số liệu kiểm kê, diện tích đất bị thu hồi là 23,49m² (diện tích này nằm ngoài phạm vi 40m tính từ tim đường B về phía hồ sinh thái đầm Đ); trên đất có nhà và công trình, gồm: Mái tole, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²; nhà tạm 17,82m²; hồ nước 2,89m³; bể nước ngầm 42,48m³ được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận nguồn gốc đất ở, nhà ở như sau: “Nhà ở phía sau đúng quy hoạch, gia đình xây dựng vào năm 1997; phần đất sau không tự bồi trúc, có sẵn trong phạm vi nhà ở đúng quy hoạch năm 1991”.

Căn cứ vào hồ sơ kiểm kê và xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân

phường T, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A như sau:

- Hộ bà A không được bồi thường về đất và không được hỗ trợ công bồi trúc vì phần diện tích $23,49m^2$ do hộ lân cận Thị Nại; công trình trên diện tích này thấp hơn 2,5m so với nền nhà nên không được hỗ trợ công bồi trúc.

- Tài sản trên đất được bồi thường, hỗ trợ là 16.153.677 đồng (toàn bộ tài sản trên diện tích $23,49m^2$).

- Về tái định cư: Hộ bà A thuộc diện giải tỏa một phần với diện tích thu hồi là $23,49m^2$ nên không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư.

Không đồng ý với kết quả bồi thường, hỗ trợ nêu trên, bà Nguyễn Thị Kim A gửi đơn khiếu nại cho rằng, ngoài diện tích kiểm kê $23,49m^2$ hộ gia đình bà có bồi trúc $70m^2$ đất về phía đầm Thị Nại nhưng không được kiểm kê và không được tính toán bồi thường, hỗ trợ. Qua kết quả kiểm tra, xác minh và rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc cho thấy:

- Ngày 06 tháng 11 tháng 2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở hồ sinh thái đầm Đ (gồm: Công ty cổ phần môi trường đô thị Q; phòng Quản lý đô thị thành phố; phòng Tài nguyên và Môi trường; phòng Tài chính – Kế hoạch và Ủy ban nhân dân phường T) đến tại nhà bà Nguyễn Thị Kim A ở số 284 Đường B, phường T, thành phố Q để kiểm kê tài sản bị thiệt hại do giải phóng mặt bằng; kết quả kiểm kê thể hiện trong Biên bản lập ngày 06 tháng 11 năm 2000 được đại diện hộ gia đình là bà Nguyễn Thị Kim A ký, trong đó diện tích đất bị thu hồi là $23,49m^2$ (diện tích này nằm ngoài chỉ giới 40m tính từ tim đường B), biên bản có ghi rõ là không có đất bồi trúc, bà Nguyễn Thị Kim A không có ý kiến gì về diện tích đất bị thu hồi mà chỉ yêu cầu xác định lại cấp nhà.

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1990, hộ bà Nguyễn Thị Kim A nhận chuyển nhượng từ Công ty vật tư tiêu thủ công nghiệp thành phố Q (Giấy bán đoạn nhà có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T) với diện tích $62m^2$ (chiều rộng 4m x chiều dài 15,5m). Sau khi nhận chuyển nhượng, hộ bà Nguyễn Thị Kim A tiếp tục bồi trúc đất hồ sinh thái đầm Đ đến năm 1997 sử dụng với diện tích $145,62m^2$ (theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1997: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13 của hộ ông T2, bà A sử dụng có chiều dài khoảng 35m). Hiện nay, hộ bà A đang sử dụng với diện tích khoảng $207,95m^2$, trong đó:

+ Phần diện tích không nằm trong quy hoạch $132,84m^2$ (chiều dài 32,4m x chiều rộng 4,1m).

+ Phần diện tích bị ảnh hưởng của dự án $23,49m^2$ (chiều dài 5,8m x chiều rộng 4,05m).

Như vậy, tổng chiều dài thửa đất có nhà của ông T2 là 38,2m tương đối phù hợp với Bản đồ đo vẽ năm 1997, diện tích 156,33m² (132,84m² + 23,49m²) phù hợp với diện tích đất mà gia đình bà A kê khai ngày 24 tháng 10 năm 2000 là khoảng 160m².

+ Phần diện tích không có trong hồ sơ bồi thường, gia đình bà A tự rào lại sử dụng có chiều dài 14,3m x chiều rộng 3,61m = 51,62m².

Diện tích 23,49m² trước đây kiểm kê thu hồi, hiện nay không thu hồi để lại hợp thức cho hộ bà A theo Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Q. Như vậy, Nhà nước không thu hồi đất của hộ bà A.

- Kết quả làm việc với các cơ quan chức năng của tỉnh, bà Nguyễn Thị Kim A không có tài liệu để chứng minh về việc hộ bà có bồi trúc khoảng 70m² (phần diện tích đất bà cho rằng Tổ công tác đã kiểm kê thiếu), hộ gia đình bà không có tài sản, vật kiến trúc hoặc cây cối, hoa màu trên phần diện tích này.

- Theo Hồ sơ địa chính lập năm 1997, chiều dài nhà của bà A tương đối phù hợp với số liệu kiểm kê của Tổ công tác; việc bà A cho rằng có bồi trúc đất nhưng không có tài liệu thể hiện sự quản lý, sử dụng của gia đình bà, cụ thể:

Trên đất không có hàng rào, không có tài sản, vật kiến trúc và cũng không có cây cối, hoa màu. Tại thời điểm kiểm kê bà không có ý kiến gì về diện tích đất bị thu hồi, chỉ có ý kiến về cấp nhà.

Qua kiểm tra, xác minh, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc nêu trên, kết quả đối thoại với hộ bà Nguyễn Thị Kim A và đề xuất của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 116/TTT-P3 ngày 09 tháng 3 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 giải quyết khiếu nại lần hai đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A, với nội dung “*Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A ở nhà số 284 Đường B, phường T, thành phố Q*”.

Công nhận Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A là đúng theo quy định pháp luật”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định khẳng định: Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A là đúng quy định của pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu huỷ Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là không có cơ sở.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Q và

Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định, ông Dương Hiệp H1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Kim A nhận chuyển nhượng từ Công ty vật tư TTCN thành phố Q với diện tích $15,5m \times 4m = 62m^2$ (giấy bán đoạn nhà có xác nhận của UBND phường T). Quá trình sử dụng đất, gia đình ông T2, bà A có bồi trúc đất phía sau nhà là đất đầm Thị Nại. Đến năm 1997 xác lập bản đồ địa chính tại phường T, thửa đất của gia đình bà A được xác lập tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích $145,62m^2$.

Năm 2000, Nhà nước quy hoạch Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Theo bảng tự kê khai ngày 24/10/2000, bà A tự kê khai diện tích thửa đất là $160m^2$, trong đó đất tự bồi trúc là $82m^2$.

Ngày 06/11/2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành lập biên bản kiểm kê hiện trạng thu hồi đất đối với hộ gia đình bà A. Theo biên bản kiểm kê lưu tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ thể hiện: Diện tích đất thu hồi $23,49m^2$ (không có đất bồi trúc). Trên đất có công trình: nhà cấp 4 mái lợp tole, tường xây gạch, nền bê tông $5,67m^2$; nhà tạm $17,82m^2$; hồ nước $2,89m^3$; bể nước ngầm $42,48m^3$. Bà A có ký vào biên bản kiểm kê và có ghi nội dung: *“nhà tôi hội đồng đánh giá loại nhà 4c không đúng mức vì nhà tôi xây dựng móng tường làm nhà mê hai tầng ban hội đồng xem xét lại”*.

Ngày 20/02/2001, UBND phường T có biên bản xác nhận nguồn gốc đất đối với hộ gia đình bà A như sau: Phần nhà sau trùng quy hoạch, gia đình xây dựng năm 1997. Phần đất sau không tự bồi trúc, có sẵn trong phạm vi nhà ở trùng quy hoạch năm 1991.

Diện tích đất kiểm kê thu hồi nằm ngoài phạm vi 40m tính từ tim đường B về phía hồ sinh thái. Diện tích đất còn lại nằm ngoài quy hoạch là $133,65m^2$ (theo sơ đồ hiện trạng nhà, đất đo vẽ năm 2011).

Trên cơ sở hồ sơ kiểm kê, xác nhận của UBND phường T, năm 2004 Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ đã lập bảng tính áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà A như sau: Không bồi thường, hỗ trợ về đất (đất không hỗ trợ công bồi trúc vì các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà năm 1997); chỉ tính bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng trên đất với số tiền là 15.153.677 đồng.

Về tái định cư: Hộ gia đình bà A thuộc diện giải tỏa 01 phần diện tích $23,49m^2$ (nhỏ hơn $147m^2$ và đất không hỗ trợ công bồi trúc) nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo chính sách áp dụng trong dự án này.

Năm 2002, UBND thành phố giao Công ty TNHH môi trường đô thị Q tiến hành thổi đất, san lấp mặt bằng để thực hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ

sinh thái Đ.

Năm 2005, bà A có đơn khiếu nại phương án bồi thường cho gia đình bà thiếu các mục như sau: “một hầm đá 100 cây, chi phí đổ đất cao 4m để xây nhà máy và hồ nước, phần nhà bị giải tỏa có đồ mê trụ bê tông cốt sắt, hồ nước lớn chưa đúng yêu cầu”. Ngoài ra, trong đơn bà A không có đề cập gì đến diện tích đất bồi trúc 70m². Do đó, ngày 13/5/2005, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành lập phụ lục biên bản phúc tra đối với hộ gia đình bà A với nội dung như sau: Diện tích thống kê theo biên bản ngày 06/11/2000 là đúng. Theo ý kiến chủ hộ các hầm ngầm trong biên bản thống kê là hầm sản xuất nước đá khối lượng 100 cây diện tích 17,82m², hồ nước 2,89m³. Biên bản phúc tra được bà A ký xác nhận và có ghi thêm nội dung “*còn nền đất sau nhà tôi có đồ đất từ trong nhà ra đầy Nhà nước chưa đền bù đề nghị Ban quản lý xem xét giải quyết*”. Trên cơ sở đó, Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ đã lập bảng tính bổ sung hỗ trợ di dời thiết bị kinh doanh cho hộ gia đình bà A.

Đến năm 2011, bà A có đơn xin giao đất ở với nội dung “nguyên vào năm 1990, tôi có bồi trúc và xây dựng nhà ở và nhà máy sản xuất đá lạnh tại số nhà 284 Đường B, xây dựng nhà máy và nhà ở khoảng 25m² và bồi trúc thêm đất ở sau khoảng 36m² nền để sử dụng nên tôi đề nghị xem xét cho tôi được mua thay vì bán cho người khác”.

Năm 2015 - 2016, bà A tiếp tục có đơn với nội dung “*tôi đã bồi trúc 70m², trong đó gần 24m² dùng để xây lắp sản xuất đá lạnh. Nhưng Tổ công tác chỉ mới xác lập 24m², phần còn lại không công nhận. Trong các biên bản tôi đều ghi nhưng chưa được giải quyết*”.

Các nội dung nêu trên của bà A đều được Công ty TNHH môi trường đô thị Q và UBND thành phố Q trả lời là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 13/6/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường số 02 (đoạn từ phía Đông trường THCS T đến đường Lê Lợi) thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Theo đó, diện tích đất thu hồi 23,49m² của hộ bà A được giữ nguyên hiện trạng để hợp thức hóa tiếp tục sử dụng.

Sau đó, bà A tiếp tục có đơn gửi đến các cơ quan cấp tỉnh yêu cầu xem xét giải quyết với nội dung “năm 2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng chỉ kiểm kê, xác lập bồi thường diện tích 23,49m² dùng để xây lắp sản xuất đá lạnh, còn thiếu 70m² là đất gia đình tôi bồi trúc từ năm 1990 nhưng không được kiểm kê bồi thường”. Bà A có cung cấp biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000 với nội dung

kiểm kê trùng khớp với bản gốc lưu trữ tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ, nhưng khác nội dung ghi của chủ hộ trong bản gốc “ngoài 160m² đất có nhà cấp 4 ra, gia đình tôi có bồi trúc thêm ra phía sau nhà 70m² đất bồi trúc nhưng ban dự án không chấp nhận”.

Theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh, ngày 09/10/2017 UBND phường T có văn bản số 74/BC-UBND về việc xác nhận đất bồi trúc của hộ bà Nguyễn Thị Kim A như sau:

- Vào năm 1990, vợ chồng ông T2 - bà A nhận chuyển nhượng từ công ty vật tư tiểu thủ công nghiệp thành phố Q diện tích 15,5m x 4m = 62m² (giấy bán đoạn nhà có xác nhận của UBND phường T).

- Từ năm 1990, gia đình bà A tiếp tục bồi trúc đất hồ sinh thái đến năm 1997 sử dụng diện tích cả thửa là 145,62m² (tại thửa đất số 02, tờ bản đồ 13, chiều dài khoảng 35m).

- Năm 2000, khi dự án thống kê đền bù và có thu hồi một phần diện tích đất có nhà 23,49m² (biên bản kiểm tra ngày 06/11/2000 có xác nhận của bà A).

- Hiện nay, gia đình bà A sử dụng diện tích khoảng 207,95m², trong đó: Diện tích đã kiểm kê thu hồi trong dự án là 23,49m²; diện tích nằm ngoài quy hoạch là 132,84m²; diện tích không có trong hồ sơ đền bù được gia đình bà A rào lại sử dụng là 51,62m².

Như vậy, diện tích 156,33m² (132,84m² + 23,49m²) so với tờ khai năm 2000 gia đình bà A kê khai diện tích 160m² thì diện tích tại thời điểm kiểm kê tương đương với phần diện tích mà gia đình bà A đã kê khai.

Căn cứ hồ sơ vụ việc, ngày 25/12/2019 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 9899/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim A với nội dung như sau: “Không công nhận nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Kim A khiếu nại, yêu cầu giải quyết các chính sách liên quan đến việc thu hồi 70m² đất bồi trúc để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Vì, hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ thể hiện thửa đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A thuộc diện giải tỏa 01 phần. Theo biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000 (bản gốc lưu tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ) và phụ lục biên bản phúc tra ngày 09/5/2005 thể hiện: Diện tích đất thu hồi là 23,49m² (không có đất bồi trúc), hiện trạng thu hồi đất có nhà cấp 4 mái lợp tol, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²; nhà tạm 17,82m²; hồ nước 2,89m³; bể nước ngầm 42,48m³ (các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà). Các hầm ngầm trong biên bản kiểm kê là hầm sản xuất nước đá. Tại thời điểm kiểm kê, bút tích của bà A thể hiện trong biên bản gốc không có ý

kiến gì về diện tích đất bị thu hồi, chỉ có ý kiến về cấp nhà. Theo xác nhận của UBND phường T tại Văn bản số 74/BC-UBND ngày 09/10/2017 thì nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà A phù hợp với xác nhận tại thời điểm xác lập hồ sơ kiểm kê, bồi thường và phù hợp với tờ khai của chủ hộ vào năm 2000. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh hộ gia đình bà A có bồi trúc, quản lý, sử dụng diện tích 70m² bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ”.

Như vậy, việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A đã được UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố đã giải quyết đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đúng quy định. Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố; yêu cầu UBND thành phố thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà A là không có cơ sở.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, bà Nguyễn Thị Thủy T1 - Công chức địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1990, vợ chồng ông (bà) Nguyễn T2 - Nguyễn Thị Kim A nhận chuyển nhượng nhà và đất của Công ty vật tư tiêu thụ công nghiệp thành phố Q với diện tích 15,5m x 4m = 62m², giấy tờ mua bán được UBND phường T xác nhận ngày 08/02/1990 (thời điểm này chưa có hồ sơ kỹ thuật thửa đất).

Từ năm 1990 gia đình bà tiếp tục bồi trúc đất hồ sinh thái đầm Đ đến năm 1997 sử dụng với diện tích 62m², theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 13, chiều dài 35,0m.

Năm 2000, Nhà nước có chủ trương quy hoạch Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ, mốc quy hoạch tính từ tim đường B ra đầm Đ 40m Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 06/11/2000 Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành lập biên bản kiểm tra nhà ở, đất ở, vật kiến trúc, cây ăn quả, hoa màu nằm trong dự án, nhà bà A thuộc diện giải tỏa 1 phần, diện tích thu hồi 23,49m². Ngày 20/02/2001, UBND phường T tiến hành tổ chức họp xác nhận nguồn gốc nhà ở, đất ở đối với phần diện tích thu hồi 23,49m².

Về nhà ở: Được gia đình bà A xây dựng năm 1997.

Về đất ở: Phần đất sau không tự bồi trúc, có sẵn trong phạm vi nhà ở trùng quy hoạch năm 1991.

Năm 2005 bà A có đơn khiếu nại về phương án bồi thường về vật kiến trúc.

Năm 2011 bà A có đơn xin mua đất ở.

Năm 2015 - 2016 bà A làm đơn kiến nghị với nội dung gia đình bà có bồi đất hồ sinh thái 70m² nhưng không được thông kê đền bù. Các nội dung kiến nghị của bà A được Công ty TNHH môi trường đô thị Bình Định và UBND thành phố Q trả lời là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 13/6/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường số 02 (đoạn từ phía Đông trường THCS T đến đường Lê Lợi) thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Theo đó, diện tích đất thu hồi 23,49m² của hộ bà A được giữ nguyên hiện trạng tiếp tục sử dụng và khi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nộp tiền theo quy định.

Ngày 27/10/2017, bà A tự ý dựng mái hiên, trụ gỗ, lợp tôn, hàng rào lưới B40 trên đất dự án, UBND phường T đã xác lập biên bản số 10/BB-VPHC vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình vi phạm. UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8260/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2017 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng, đồng thời ban hành Quyết định số 9439/QĐ-CC ngày 08/12/2017 cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng.

Ngày 11/4/2018, UBND thành phố Q phối hợp với các ban ngành thành phố, UBND phường T tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm một số hộ trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Kim A (theo Kế hoạch số 45/KH- UBND ngày 29/3/2018 của UBND thành phố Q ban hành).

Theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh Bình Định tại Văn bản số 511/TTT-P3 ngày 31/8/2017 về việc yêu cầu xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim A, UBND phường T ban hành Văn bản số 74/BC-UBND về việc xác nhận đất bồi trúc và thực trạng nhà ở như sau:

Phần diện tích không nằm trong quy hoạch: $32,4\text{m} \times 4,1 = 132,84\text{m}^2$

Phần diện tích thu hồi của dự án: $5,8\text{m} \times 4,05 = 23,49\text{m}^2$.

Như vậy, diện tích $156,33\text{m}^2$ ($132,84\text{m}^2 + 23,49\text{m}^2$) so với tờ khai năm 2000 gia đình bà A kê khai đất đã xây dựng nhà ở với diện tích 160m^2 (theo tờ khai ngày 24/10/2000) thì diện tích tại thời điểm kiểm kê tương đương với phần diện tích đất mà gia đình bà A kê khai.

Thanh tra tỉnh Bình Định tiếp tục có Văn bản số 379/TTT-P3 ngày 09/8/2018 về việc yêu cầu xác nhận đất bồi trúc của hộ bà Nguyễn Thị Kim A.

Ngày 07/9/2018, UBND phường T tiến hành tổ chức họp dân lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất. Qua buổi họp các hộ dân chỉ nêu gia đình bà A có bồi trúc, diện tích không nhớ rõ.

Căn cứ hồ sơ vụ việc: Theo biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000 (bản gốc lưu tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ) và phụ lục biên bản phúc tra ngày 09/5/2005 thể hiện: Diện tích đất thu hồi là 23,49m² (không có đất bồi trúc), hiện trạng thu hồi có nhà cấp 4 mái lợp tol, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²; nhà tạm 17,82m²; hồ nước 2,89m³; bể nước ngầm 42,48m³ (các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà). Tại thời điểm kiểm kê, có xác nhận của bà A thể hiện trong biên bản gốc không có ý kiến gì về diện tích đất bị thu hồi, bà chỉ có ý kiến về cấp nhà. Diện tích tại thời điểm kiểm kê tương đương với phần diện tích đất mà gia đình bà A kê khai ngày 24/10/2000. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh hộ gia đình bà A có bồi trúc, quản lý, sử dụng diện tích 70m² bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ.

Như vậy, với yêu cầu khởi kiện của bà A UBND phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công trình quy hoạch hồ sinh thái đầm Đ, TP. Q thuộc Công ty cổ phần môi trường Bình Định, ông Võ Văn H3 - Phó Giám đốc Công ty cổ phần môi trường Bình Định trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Kim A nhận chuyển nhượng từ Công ty vật tư TTCN thành phố Q với diện tích 15,5m x 4m = 62m² (giấy bán đoạn nhà có xác nhận của UBND phường T). Quá trình sử dụng đất, gia đình ông T2, bà A có bồi trúc đất phía sau nhà là đất đầm Thị Nại. Đến năm 1997 xác lập bản đồ địa chính tại phường T, thửa đất của gia đình bà A được xác lập tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 145,62m².

Năm 2000, Nhà nước quy hoạch Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ tại Quyết định số 2635/QĐ-UB ngày 11/8/2000 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu nhà ở tự xây hồ sinh thái Đ, thành phố Q.

Theo bảng tự kê khai ngày 24/10/2000, bà Nguyễn Thị Kim A tự kê khai diện tích thửa đất là 160m², trong đó đất tự bồi trúc là 82m².

Ngày 06/11/2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành lập biên bản kiểm kê hiện trạng thu hồi đất đối với hộ gia đình bà A. Theo biên bản kiểm kê ngày 06/11/2000 thể hiện: Diện tích đất thu hồi 23,49m² (không có đất bồi trúc). Trên đất có công trình: Nhà cấp 4 mái lợp tol, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²;

nhà tạm $17,82\text{m}^2$; hồ nước $2,89\text{m}^3$; bể nước ngầm $42,48\text{m}^3$. Bà A có ký vào biên bản kiểm kê và có ghi nội dung: “nhà tôi hội đồng đánh giá loại nhà 4c không đúng mức vì nhà tôi xây dựng móng tường làm nhà mê hai tầng ban hội đồng xem xét lại”.

Ngày 20/02/2001, UBND phường T có biên bản xác nhận nguồn gốc đất đối với hộ gia đình bà A như sau: Phần nhà sau trùng quy hoạch, gia đình xây dựng năm 1997. Phần đất sau không tự bồi trúc, có sẵn trong phạm vi nhà ở trùng quy hoạch năm 1991.

Diện tích đất kiểm kê thu hồi nằm ngoài phạm vi 40m tính từ tim đường B về phía hồ sinh thái. Diện tích đất còn lại nằm ngoài quy hoạch là $133,65\text{m}^2$ (theo sơ đồ hiện trạng nhà, đất đo vẽ năm 2011).

Năm 2002, UBND thành phố giao Công ty TNHH môi trường đô thị Q tiến hành thổi đất, san lấp mặt bằng để thực hiện Dự án hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ.

Trên cơ sở hồ sơ kiểm kê, xác nhận của UBND phường T, năm 2004 Tổ công tác GPMB đã lập bảng tính áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà A như sau: Không bồi thường, hỗ trợ về đất (đất không hỗ trợ công bồi trúc vì các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà năm 1997); chỉ tính bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng trên đất với số tiền là 15.153.677 đồng được phê duyệt tại Quyết định số 3773/QĐ-CTUB ngày 29/12/2004 của UBND tỉnh Bình Định.

Về tái định cư: hộ gia đình bà A thuộc diện giải tỏa 01 phần diện tích $23,49\text{m}^2$ (nhỏ hơn 147m^2 và đất không hỗ trợ công bồi trúc) nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo chính sách áp dụng trong dự án này.

Năm 2005, bà A có đơn khiếu nại phương án bồi thường cho gia đình bà thiếu các mục như sau: “*một hầm đá 100 cây, chi phí đổ đất cao 4m để xây nhà máy và hồ nước, phần nhà bị giải tỏa có đồ mê trụ bê tông cốt sắt, hồ nước lớn chưa đúng yêu cầu*”. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác. Do đó, ngày 13/5/2005, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tiến hành lập phụ lục biên bản phúc tra đối với hộ gia đình bà A với nội dung như sau; diện tích thống kê theo biên bản ngày 06/11/2000 là đúng. Theo ý kiến chủ hộ các hầm ngầm trong biên bản thống kê là hầm sản xuất" nước đá khối lượng 100 cây diện tích $17,82\text{m}^2$, hồ nước $2,89\text{m}^3$. Biên bản phúc tra được bà A ký xác nhận và có đề nghị ghi thêm nội dung mới “còn nền đất sau nhà tôi có đổ đất từ trong nhà ra đây, Nhà nước chưa đền bù đề nghị Ban quản lý xem xét giải quyết”. Tổ công tác GPMB đã lập bảng tính bổ sung hỗ trợ di dời thiết bị kinh doanh cho hộ gia đình bà A theo đúng biên bản kiểm tra đo đếm ngày 06/11/2000 và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 445/QĐ-

CTUBND ngày 02/3/2006.

Ngày 18/5/2006, Công ty môi trường đô thị Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về khiếu nại khối lượng thiếu khi kiểm kê tại Công văn số 54/CV-CTMT.

Ngày 09/4/2010, Công ty TNHH môi trường đô thị Q về thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại Thông báo số 39/TB-CTMT (lần 1).

Ngày 27/4/2011 bà Nguyễn Thị Kim A có đơn xin mua đất ở, với nội dung: “nguyên vào năm 1990, tôi có bồi trúc và xây dựng nhà ở và nhà máy sản xuất đá lạnh tại số nhà 284 Đường B, xây dựng nhà máy và nhà ở khoảng 25m² và bồi trúc thêm đất ở sau khoảng 36m² nên để sử dụng nên tôi đề nghị xem xét cho tôi được mua thay vì bán cho người khác”.

Ngày 08/8/2011, Công ty TNHH môi trường đô thị Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn xin mua đất ở tại Công văn số 139/CTMT-DA. UBND thành phố Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn xin mua đất ở tại Công văn số 1800/UBND-NC ngày 19/9/2011.

Ngày 23/12/2011, Công ty TNHH môi trường đô thị Q về thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do GPMB tại Thông báo số 165/TB-CTMT (lần 1).

Ngày 12/10/2015 bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khiếu nại về việc phần đất bồi trúc phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường.

Ngày 13/10/2015, Công ty cổ phần môi trường đô thị Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn khiếu nại phần đất bồi trúc phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường tại Công văn số 354/CTMT.

Ngày 24/3/2016, bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khiếu nại về việc phần đất bồi trúc phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường.

Ngày 30/3/2016, Công ty cổ phần môi trường đô thị Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn khiếu nại phần đất bồi trúc phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường tại Công văn số 97/CTMT.

UBND thành phố Q trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn khiếu nại phần đất bồi trúc phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường tại Công văn số 3536/UBND-TD ngày 12/12/2016.

Ngày 20/10/2016, Công ty cổ phần môi trường đô thị Q về báo cáo giải quyết đơn đối với trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Kim A tại Báo cáo số 219/BC-CTMT.

Ngày 13/6/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường số 02 (đoạn từ phía Đông trường THCS T đến đường Lê Lợi) thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ.

Trong đó, hộ bà gia đình Ái với diện tích đất thu hồi 23,49m² được giữ nguyên hiện trạng để hợp thức hóa, hộ gia đình bà A tiếp tục sử dụng (Nhà nước không thu hồi).

Sau đó, bà A tiếp tục có đơn gửi đến các cơ quan cấp tỉnh yêu cầu xem xét giải quyết với nội dung: “năm 2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng chỉ kiểm kê, xác lập bồi thường diện tích 23,49m² dùng để xây lắp sản xuất đá lạnh, còn thiếu 70m² là đất gia đình tôi bồi trồng từ năm 1990 nhưng không được kiểm kê bồi thường”. Bà A có cung cấp biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000, với nội dung kiểm kê trùng khớp với bản gốc lưu trữ tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ, nhưng bà A ghi vào biên bản với nội dung mới, khác với nội dung ghi ý kiến của chủ hộ trong bản gốc (ngày 06/11/2000) là: “ngoài 160m² đất có nhà cấp 4 ra, gia đình tôi có bồi trồng thêm ra phía sau nhà 70m² đất bồi trồng nhưng ban dự án không chấp nhận”.

UBND tỉnh Bình Định trả lời đơn cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A về đơn khiếu nại phần đất bồi trồng phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường tại Công văn số 5894/UBND-TD ngày 30/10/2017.

Ngày 16/8/2019, ông Nguyễn T2 có đơn khiếu nại UBND thành phố Q báo cáo giải quyết đơn đối với trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Kim A tại Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 19/3/2019.

Ngày 26/8/2019, Công ty cổ phần môi trường đô thị Q kiểm tra, trả lời đơn cho hộ ông Nguyễn T2 về đơn khiếu nại phần đất bồi trồng phía sau nhà gần 70m² chưa bồi thường tại Công văn số 272/CTMT. UBND thành phố Q báo cáo xác minh kết quả kiểm tra đơn của bà Nguyễn Thị Kim A tại Thông báo số 1004/TB-UBND ngày 07/11/2019.

Căn cứ hồ sơ vụ việc, ngày 25/12/2019 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 9899/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim A với nội dung như sau: “Không công nhận nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Kim A khiếu nại, yêu cầu giải quyết các chính sách liên quan đến việc thu hồi 70m² đất bồi trồng để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ. Vì, hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ thể hiện thửa đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A thuộc diện giải tỏa 01 phần. Theo biên bản kiểm kê xác lập ngày 06/11/2000 (bản gốc lưu tại Ban quản lý dự án hồ sinh thái Đ) và phụ lục biên bản phúc tra ngày 09/5/2005 thể hiện: diện tích đất thu hồi là 23,49m² (không có đất bồi trồng), hiện trạng thu hồi đất có nhà cấp 4 mái lợp tol, tường xây gạch, nền bê tông 5,67m²; nhà tạm 17,82m²; hồ nước 2,89m³; bể nước ngầm 42,48m³ (các bể nước, hồ nước chiếm toàn bộ diện tích xây dựng nhà). Các hầm ngầm trong biên bản kiểm kê là hầm sản xuất nước

đá. Tại thời điểm kiểm kê, bút tích của bà A thể hiện trong biên bản gốc không có ý kiến gì về diện tích đất bị thu hồi, chỉ có ý kiến về cấp nhà. Theo xác nhận của UBND phường T tại Văn bản số 74/BC-UBND ngày 09/10/2017 thì nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà A phù hợp với xác nhận tại thời điểm xác lập hồ sơ kiểm kê, bồi thường và phù hợp với tờ khai của chủ hộ vào năm 2000.

Việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A đã được UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố đã giải quyết đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đúng quy định. Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố; yêu cầu UBND thành phố thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A là không có cơ sở.

Như vậy, với yêu cầu khởi kiện của bà A, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công trình quy hoạch hồ sinh thái đầm Đ, tp. Q thuộc Công ty cổ phần môi trường Bình Định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T2, anh Nguyễn Đức T3, chị Nguyễn Thị Ngọc H2, cháu Nguyễn Ngọc H3, cháu Nguyễn Đức K, cháu Nguyễn Thị Ái V trình bày:* Thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A, ngoài ra ông Nguyễn T2, anh Nguyễn Đức T3, chị Nguyễn Thị Ngọc H2, cháu Nguyễn Ngọc H3, cháu Nguyễn Đức K, cháu Nguyễn Thị Ái V không có trình bày hay yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ quy định tại Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013; Luật đất đai năm 2013 và các Văn bản hướng dẫn thi hành; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an.

- Căn cứ Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu hủy Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần đầu); hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần hai) và yêu cầu UBND thành phố Q thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà A theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2021, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Thị Kim A cho rằng, bản án sơ thẩm xét xử không đúng, không khách quan nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A hủy Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A và yêu cầu UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Tại Giấy bán đoạn nhà lập năm 1989, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Kim A mua của Công ty vật tư tiêu thủ công nghiệp thành phố Q với diện tích 62 m² (chiều dài 15,5m, chiều rộng 4m) có xác nhận của UBND phường T. Quá trình

sử dụng hộ bà Nguyễn Thị Kim A đã bồi trúc đất hồ sinh thái đầm Đ đến năm 1997 với diện tích $145,62\text{m}^2$ (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13 của hộ ông T2, bà A sử dụng có chiều dài khoảng 35m).

Thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái đầm Đ, thành phố Q, hộ ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị Kim A ở số 284 Đường B, phường T, thành phố Q bị giải tỏa một phần. Theo số liệu kiểm kê thì diện tích đất bị thu hồi là $23,49\text{m}^2$ (diện tích đất nằm ngoài phạm vi 40m tính từ tim đường B về phía hồ sinh thái đầm Đ) trên đất có nhà và công trình gồm: Mái tole, tường xây gạch, nền bê tông $5,67\text{m}^2$, nhà tạm $17,82\text{m}^2$; hồ nước $2,89\text{m}^3$; bể nước ngầm $42,48\text{m}^3$.

Hộ bà A đang sử dụng với diện tích $207,95\text{m}^2$. Trong đó, phần diện tích không nằm trong quy hoạch là $132,84\text{m}^2$ và phần diện tích bị ảnh hưởng của dự án là $23,49\text{m}^2$.

Như vậy, tổng chiều dài có nhà của ông T2, bà A là $38,2\text{m}^2$ tương đối phù hợp với bản đồ đo vẽ năm 1997 diện tích $156,33\text{m}^2$ ($132,84\text{m}^2 + 23,49\text{m}^2$), gia đình bà Nguyễn Thị Kim A kê khai ngày 24/10/2000 cũng là khoảng 160m^2 . Phần diện tích đất không có trong hồ sơ bồi thường, gia đình bà Nguyễn Thị Kim A tự sử dụng có chiều dài 14,3m x chiều rộng 3,61m = $51,62\text{m}^2$.

Căn cứ vào hồ sơ kiểm kê và xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường T, Ban quản lý dự án hồ sinh thái đầm Đ đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A với tổng số tiền 16.153.677đ. Về tái định cư: Hộ bà Nguyễn Thị Kim A thuộc diện giải tỏa một phần với diện tích thu hồi là $23,49\text{m}^2$ nên không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư.

Không đồng ý với kết quả bồi thường, hỗ trợ nêu trên, bà Nguyễn Thị Kim A gửi đơn khiếu nại cho rằng ngoài diện tích đất kiểm kê $23,49\text{m}^2$; hộ gia đình bà có bồi trúc 70m^2 đất về phía đầm Thị Nại nhưng không được kiểm kê và không được tính toán bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 06/11/2000, Tổ công tác giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái đầm Đ đến tại nhà bà Nguyễn Thị Kim A ở số 284 Đường B, phường T, thành phố Q để kiểm kê tài sản bị thiệt hại do giải phóng mặt bằng; Kết quả kiểm kê thể hiện trong biên bản lập ngày 06/11/2000 có bà Nguyễn Thị Kim A ký, trong đó diện tích đất bị thu hồi là $23,49\text{m}^2$, không có đất bồi trúc, bà Nguyễn Thị Kim A chỉ yêu cầu xác định lại cấp nhà.

Ngày 25/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9899/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần đầu) với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của hộ bà Nguyễn Thị Kim A khiếu nại yêu cầu giải quyết các chính sách liên quan đến việc thu hồi 70m² đất bồi trúc để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hồ sinh thái Đ...

Không đồng ý với quyết định nói trên, bà Nguyễn Thị Kim A tiếp tục khiếu nại. Ngày 12/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần hai) với nội dung: Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A ở số 284 Đường B, phường T, thành phố Q. Công nhận Quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim A là đúng theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại, bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nói trên và yêu cầu UBND thành phố Q thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70 m² đất có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A theo quy định của pháp luật.

2. Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Bà Nguyễn Thị Kim A không có tài liệu chứng minh về việc hộ bà có bồi trúc khoảng 70m² đất. Trên phần đất này không có tài sản, vật kiến trúc, cây cối hay hoa màu. Tại biên bản về việc xác minh nguồn gốc đất ở, nhà ở ngày 20/02/2001 của UBND phường T thể hiện: Phần đất phía sau: Không tự bồi trúc... Tại đơn khiếu nại về việc bồi thường thiệt hại nhà đất ngày 17/3/2005 của ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Kim A không nói gì đến diện tích đất 70m². Tại phiên tòa phúc thẩm bà A không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Bình Định tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A là có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà Nguyễn Thị Kim A là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 157, 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ; Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu hủy quyết định số 9899/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A, địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần đầu) và Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Kim A địa chỉ số 284 Đường B, phường T, thành phố Q (lần hai) và yêu cầu UBND thành phố Q thi hành việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 70m² có nguồn gốc là đất bồi trúc cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

